

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
T PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 9 - 2020
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Kiệt**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Quý;
2. Ông Nguyễn Hoàng Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, T phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Anh **Dương Văn T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 5, phường T, thị xã L, tỉnh B.

Địa chỉ liên lạc: 141/77/22 Đường số, Phường, Quận ..., TP. H.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

Chị **Trần Thị Trúc H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn T trình bày: Vào năm 2010, anh T và chị Trần Thị Trúc H tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân

Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận vào ngày 15/11/2010. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng thường xU cãi vã, nên không thể sống chung và vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 02 năm. Do thấy không hạnh phúc, nên anh T có đơn xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Dương Thị Phương U (nữ) sinh ngày 10/12/2010, anh T đồng ý giao cháu U cho chị H nuôi dưỡng, và tự nguyện cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng 1.500.000 đồng, đến khi cháu U tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2020, chị Trần Thị Trúc H trình bày: Chị H và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận vào ngày 15/11/2010. NgU nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xU cãi nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm, chị H đồng ý ly hôn với anh T; Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Dương Thị PH U (nữ) sinh ngày 10/12/2010, cháu U hiện đang sinh sống cùng với chị, nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu U, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có. Với lý do đi làm xa, nên chị H đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đối với chị.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh T và chị H đã được ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và ngU đơn đã thực hiện đúng theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về việc có mặt khi được Tòa án triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*” là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T, anh T được ly hôn với chị Trần Thị Trúc H.

Về con chung: Giao cháu Dương Thị Phương U (nữ) sinh ngày 10/12/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng T. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T

về việc cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi cháu U tròn 18 tuổi. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng được tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện, thì giải quyết T vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Dương Văn T và Trần Thị Trúc H, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh T có đơn xin ly hôn với chị H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn T và chị Trần Thị Trúc H tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh T và chị H thống nhất trình bày là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xU cãi nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân. Anh T yêu cầu ly hôn với chị H, chị H cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với anh T. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa các đương sự thật sự đã sâu sắc, trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của anh T có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Dương Thị PH U (nữ) sinh ngày 10/12/2010, anh T cũng đồng ý giao cháu U cho chị H nuôi dưỡng, bản thân cháu U cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị H. Nên giao cháu U cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng T là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi cháu U tròn 18 tuổi nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện, thì giải quyết T vụ án khác.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 192; Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 51; 56; 57; 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

TU xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T đối với Trần Thị Trúc H.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Trúc H.

Về con chung: Chị Trần Thị Trúc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Thị PH U (nữ) sinh ngày 10/12/2010 đến tuổi trưởng T. Anh T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi cháu U tròn 18 tuổi. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T, không ai được quyền ngăn cản.

Anh T không được quyền lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị H, nếu có thì chị H có quyền yêu cầu hạn chế việc thăm con của anh T.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện, thì giải quyết T vụ án khác.

Về án phí: Anh Dương Văn T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 013142 ngày 27/5/2020 T tiền án phí, anh T phải nộp thêm 300.000 đồng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ .

Về quyền kháng cáo: Anh Dương Văn T và chị Trần Thị Trúc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND P. Tân Thới, TX. La Gi, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Kiệt